



TP Hồ Chí Minh, ngày ... tháng 5 năm 2020

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020  
Về hoạt động kinh doanh năm 2019**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức đã được ĐHĐCĐ thông qua;
- Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 Công ty cổ phần Bê tông Thủ Đức ngày 25 tháng 4 năm 2019;
- Căn cứ BCTC năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam;
- Căn cứ tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2019 của Công ty cổ phần Bê tông Thủ Đức.

Ban kiểm soát xin báo cáo ĐHĐCĐ Công ty với những nội dung chủ yếu sau:

- Đánh giá việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2019;
- Kết quả tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính năm 2019 của Công ty;
- Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc điều hành năm 2019;
- Nhận xét và kiến nghị.

**I/ Tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019**

**1. Việc thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2018:**

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Nội dung	Nghị quyết	Thực hiện	TH/NQ (%)
1	Lợi nhuận sau thuế phân phối	26.399	26.399	100
2	Phân phối lợi nhuận	26.399	26.399	100
a	Chia cổ tức (20% VDL)	12.825	12.825	100
b	Trích lập các quỹ	2.600	2.600	100
	- Quỹ khen thưởng	1.500	1.500	100
	- Quỹ Phúc lợi	500	500	100
	- Quỹ thưởng HĐQT, BKS, BDH	600	600	100
c	Lợi nhuận để lại	10.975	10.975	



- Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019.

- Công ty đã chi trả cổ tức năm 2018 (20%) bằng tiền cho các cổ đông từ ngày 25/10/2019.

## 2. Nghị quyết về kế hoạch SXKD và đầu tư 2019

### a. Về sản xuất kinh doanh:

*DVT: Triệu đồng*

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	%TH/KH
1	Tổng doanh thu và thu nhập	340.000	326.163	96%
2	Lợi nhuận sau thuế	21.000	27.088	129%
3	Đầu tư XDCB, TSCĐ, SCL	14.270	18.237	127%
4	Tổng quỹ lương	62.500/DT 340 tỷ	58.420/DT 317 tỷ	89%
5	Lao động bình quân trong năm	380	337	88%
6	Tiền lương bình quân	12.706.000	14.500.000	114%

Năm 2019, mặc dù tổng doanh thu và TN khác đạt 96% kế hoạch nhưng Lợi nhuận sau thuế đạt 129% kế hoạch. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Vốn điều lệ là 42,2%, tăng 0,8% so với năm 2018.

### b/ Về Đầu tư XDCB:

*DVT: Triệu đồng*

TT	Danh mục tài sản	Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH
<b>A</b>	<b>Đầu tư trong kế hoạch</b>	<b>14.270</b>	<b>12.142</b>	<b>85%</b>
<b>I</b>	<b>Đầu tư mua sắm, sửa chữa tại Q9</b>	<b>5.050</b>	<b>4.311</b>	
1	Đại tu giàn quay	180	240	
2	Sửa chữa đại tu cầu trục	180	230	
3	Mua Palang 5 tấn	240	890	
4	Mua roto, mâm thắng Palang 10T	230	104	
5	Sửa chữa, đại tu trạm trộn BT 45m3	500	300	
6	Sửa chữa nhà xưởng (thay mái, làm nền, đường NB)	800	0	
7	Sửa chữa khuôn cũ (cọc và trụ)	320	0	
8	Mua, gia công khuôn trụ 6,5-14m	1.600	2.338	
9	Mua, gia công khuôn cọc D300-D400	600	0	
10	Mua, gia công khuôn trụ 20-22m	400	209	
<b>II</b>	<b>Đầu tư mua sắm, sửa chữa tại Nhà máy Bến Cát</b>	<b>2.720</b>	<b>1.868</b>	

1	Mua Palang 10 tấn (DP thay thế)	600	290	
2	Mua, thay thế phụ tùng SC HT TF-TX	200	0	
3	Mua, thay thế phụ tùng SC trạm trộn	200	0	
4	Mua máy cắt thép + chôn đầu thép (VN)	1.400	1.578	
5	Mua phụ tùng SC máy hàn nòng thép	320	0	
<b>III</b>	<b>Xây dựng cơ bản</b>	<b>6.500</b>	<b>5.963</b>	
1	Thi công bến thủy nội địa NM Bến Cát	6.500	5.963	
<b>B</b>	<b>Đầu tư ngoài kế hoạch</b>		<b>6.095</b>	
1	Mua roto, mâm thắng Palang 5T		531	
2	Động cơ Palang 5T		124	
3	Gia công chế tạo khuôn trụ 18m		172	
4	Gia công bản xả thép UST		51	
5	Mua máy tiện (sửa chữa khuôn)		697	
6	Mua máy ép thủy lực		182	
6	Mua máy khoan		108	
8	Máy cắt thép		67	
9	Máy cuốn tôn 10 -15ly		110	
10	Hệ thống dầm chạy nhà xưởng Bến Cát		238	
11	Gia công xe chở sản phẩm bến thủy nội địa		156	
12	Thi công bờ kè chống sạt lở Bến thủy nội địa		3.308	
13	Hệ thống PCCC (bổ sung sơn chống cháy)		351	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>14.270</b>	<b>18.237</b>	<b>127%</b>

### Nhận xét:

- Việc đầu tư sửa chữa, mua sắm thiết bị và XD CB trong kế hoạch thực hiện đạt 85% kế hoạch, do căn cứ vào tình hình thực tế SXKD một số danh mục đầu tư đã được duyệt nhưng chưa thực hiện đầu tư. Việc đầu tư ngoài kế hoạch được Ban điều hành thực hiện theo đúng thẩm quyền, phù hợp với Điều lệ, quy chế tài chính Công ty.

### **- Đối với Đầu tư xây dựng Nhà máy mới tại Bến Cát, Bình Dương:**

Hội đồng quản trị đã quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu cho toàn bộ các gói thầu thuộc kế hoạch đấu thầu của dự án (18 gói thầu).

+ Giá trị đã thực hiện: 15 hạng mục

+ Giá trị chưa thực hiện: 03 gói (gói thầu mua sắm thiết bị lò hơi; gói thầu mua sắm thiết bị rửa cốt liệu; gói thầu kiểm toán dự án)

Tình hình thực hiện các gói thầu như sau:

+ Giá trị thực hiện lũy kế đã được nghiệm thu viết hóa đơn 140 tỷ đồng.

+ Giá trị đã thanh toán đến hết 31/03/2020 là gần 137 tỷ đồng, trong đó:

\* Từ nguồn vay ngân hàng (Vietinbank): 59 tỷ



\* Từ nguồn vốn CSH: 78 tỷ.  
(Có bảng kê chi tiết đính kèm)

**Tình hình hoạt động SXKD của Nhà máy tại Bến Cát**

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Nội dung	TH năm 2019	Ghi chú
1	Doanh thu bán hàng	133.831	
2	Giá vốn bán hàng	114.978	
3	LN gộp (1-2)	18.852	
4	Doanh thu tài chính	2.863	
5	Chi phí tài chính	4.862	Trong đó lãi vay: 4.861
6	Chi phí bán hàng	3.184	
7	Chi phí quản lý	7.607	
8	Thu nhập khác	745	
9	Chi phí khác		
10	Lợi nhuận trước thuế (3+4+8-5-6-7-9)	6.807	

**c/ Kết quả kinh doanh tại Công ty con (TDC1):**

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	%TH/KH
1	Tổng doanh thu và TN khác	620.000	629.258	102
2	Lợi nhuận sau thuế	18.000	18.737	104

Kết quả sản xuất kinh doanh tại TDC1 năm 2019 hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề ra: doanh thu tăng 102% KH, lợi nhuận sau thuế là 18,7 tỷ đồng, tăng 104%KH. Năm 2018 Công ty TDC1 chia cổ tức 15%, phần cổ tức Công ty mẹ nhận được là 6.120 triệu đồng.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của TDC1 đến 31/12/2019 là 23 tỷ đồng. Việc phân phối lợi nhuận năm 2019 sẽ do ĐHCĐ của TDC1 xem xét, quyết định. Căn cứ nghị quyết ĐHCĐ TDC1 về việc phân phối tỷ lệ cổ tức, Công ty sẽ hạch toán vào kết quả SXKD năm 2020.

**3. Nghị quyết về thù lao năm 2019 cho HĐQT và Ban kiểm soát:**

TT	Nội dung	Kế hoạch	Thực hiện	%TH/KH
1	Thù lao HĐQT, Thư ký	276.000.000	276.000.000	100
2	Thù lao Ban kiểm soát	84.000.000	84.000.000	100
	<b>Tổng cộng</b>	<b>360.000.000</b>	<b>360.000.000</b>	<b>100</b>

Công ty thực hiện chi trả thù lao HĐQT và Ban kiểm soát theo đúng nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

**4. Nghị quyết về kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019:**

Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên đã ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2109, Công ty chọn Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam (đơn vị đủ điều kiện theo thông báo của Bộ Tài chính) thực hiện kiểm toán BCTC năm 2019 theo quy định. Trình tự, thủ tục và ký hợp đồng kiểm toán (sau khi được HĐQT thông qua) được Ban điều hành thực hiện theo quy định, phù hợp với Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHCĐ.

## II. Một số chỉ tiêu trong BCTC năm 2019 (tại ngày 31/12/2019):

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Chỉ tiêu	BCTC hợp nhất (*)	BCTC Công ty mẹ
<b>I</b>	<b>Tổng tài sản – nguồn vốn</b>	<b>709.381</b>	<b>288.716</b>
1	Tài sản ngắn hạn	470.889	109.366
-	Phải thu khách hàng	338.430	79.243
-	Hàng tồn kho	134.025	26.218
2	Tài sản dài hạn	238.492	179.349
-	Tài sản cố định	190.721	118.469
3	Nợ phải trả	452.130	118.291
-	Nợ ngắn hạn	409.700	76.274
-	Nợ dài hạn	42.430	42.017
4	Vốn chủ sở hữu	257.251	170.424
-	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	64.141	64.141
<b>III</b>	<b>Kết quả kinh doanh</b>		
1	Tổng DT và thu nhập	932.313	326.163
2	Lợi nhuận trước thuế	49.804	32.425
3	Lợi nhuận sau thuế	39.587	27.087

### Ghi chú:

- (\*) BCTC hợp nhất năm 2019 gồm số liệu Công ty mẹ và Công ty con (Công ty CP BTLT Thủ Đức 1 – TDC1).

- Số liệu BCTC năm 2019 đã được Công ty điều chỉnh theo kết luận và kiến nghị của Kiểm toán nhà nước).

### **Phân tích một số chỉ tiêu cơ bản tại Công ty mẹ:**

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018
<b>I</b>	<b>Nhóm chỉ tiêu thanh toán</b>		
1	Khả năng TT nhanh:(TSNH-HTK)/Nợ NH (Lần)	0,71	0,64
2	Khả năng TT hiện hành: TSNH/NPT (Lần)	1,43	1,2
<b>II</b>	<b>Nhóm chỉ tiêu cơ cấu vốn</b>		

	Hệ số nợ phải trả/vốn CSH (Lần)	0,69	0,83
<b>III</b>	<b>Nhóm chỉ tiêu hoạt động</b>		
	Vòng quay vốn lưu động (DTT/TSNH )	2,9	2,13
<b>IV</b>	<b>Nhóm chỉ tiêu sinh lời</b>		
1	Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH (ROE)	15,9	16,8
2	Lợi nhuận sau thuế/DTT	8,53%	10,82%
3	Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	42,2%	41,5%

#### **Nhận xét:**

- + Các chỉ số thanh toán đảm bảo Công ty đảm bảo khả năng thanh toán.
- + Chỉ số nợ phải trả/vốn CSH giảm so với năm trước do nợ phải trả giảm và vốn chủ sở hữu tăng so với năm trước.
- + Các chỉ tiêu về tỷ suất sinh lời của Công ty đảm bảo hiệu quả, tỷ suất LNST/VĐL tại Công ty mẹ là 42,2%, tăng 0,8% so với năm trước.
- + Tuy nhiên chỉ tiêu LNST/DTT và chỉ tiêu LNST/Vốn CSH tại Công ty mẹ giảm so với năm 2018 lần lượt là 2,3% và 0,9%

### **III. Đánh giá các mặt hoạt động năm 2019 (tại Công ty mẹ)**

#### **1. Công tác kiểm kê và đối chiếu công nợ.**

- Công tác kiểm kê cuối năm: Kết thúc năm tài chính, Công ty đã thực hiện lập báo cáo kiểm kê tài sản, vật tư, hàng hóa. Tài sản thừa, thiếu trong kiểm kê được hạch toán vào kết quả kinh doanh năm 2019.
- Tỷ lệ đối chiếu công nợ: Công nợ phải thu của khách hàng đối chiếu được 94% công nợ phải trả khách hàng đối chiếu được 93%.

#### **2. Công nợ phải thu:**

- Tại thời điểm 31/12/2019, công nợ phải thu của khách hàng là 79,24 tỷ đồng, trong đó công nợ phải thu khó đòi (đã trích lập dự phòng) là 27,3 tỷ đồng (gồm 26 đối tượng) chiếm 28,7% công nợ phải thu khách hàng và chiếm 9,4% giá trị tổng tài sản của Công ty.

Đối với các khoản công nợ khó đòi đã trích lập dự phòng, trong năm Công ty không thu hồi được khoản nợ nào, kể các các khoản nợ đã có quyết định của Tòa án/thi hành án.

Đối với công nợ phải thu Công ty CP ĐT công nghệ cao (Sopewaco), ngày 09/03/2020, Tòa án huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai có Thông báo số 01/TB/TLPS về việc thụ lý đơn yêu cầu thủ tục phá sản đối với Công ty Sopewaco; ngày 12/3/2020 Chi cục thi hành án huyện Nhơn Trạch đã có quyết định số 14/QĐ-CCTHADS về việc tạm đình chỉ thi hành án đối với khoản công nợ của Công ty Sopewaco với số tiền 21,5 tỷ đồng, trong đó nợ gốc là 19,7 tỷ đồng (Công ty đã trích lập dự phòng 100% công nợ gốc này) và lãi chậm trả 1,8 tỷ đồng (Công ty chưa hạch toán đối với khoản lãi chậm trả này do khả năng thu thấp).

### 3. Công tác trích lập dự phòng:

#### a/ Dự phòng nợ phải thu khó đòi:

- Tổng số nợ quá hạn thanh toán là 27,7 tỷ đồng.
- Đã trích lập dự phòng đến hết năm 2018 là 26,8 tỷ đồng
- Số hoàn nhập (thu hồi) trong năm là 0 đồng.
- Số trích lập bổ sung trong năm (gồm 03 đối tượng) là 420 triệu đồng.
- Tổng số đã trích lập dự phòng lũy kế đến 31/12/2019 là 27,2 tỷ đồng, trong đó:

+ Dự phòng các khoản nợ quá hạn từ 1 năm đến 2 năm là: 158 triệu đồng

+ Dự phòng các khoản nợ quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm là: 520 triệu đồng.

+ Dự phòng các khoản nợ quá hạn trên 3 năm là: 26.6 tỷ đồng.

Như vậy, đến cuối năm 2019, Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với tổng số tiền là 27,2 tỷ đồng (chiếm 98,3% tổng số nợ quá hạn).

#### b/ Phân loại nhóm công nợ khó đòi:

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Nội dung	Số tiền nợ	Ghi chú
1	Nhóm nợ đã khởi kiện và có QĐ của Tòa án/Thi hành án	21.694	Gồm 06 đối tượng nợ
2	Nhóm nợ đã khởi kiện nhưng chưa có QĐ xử lý	94	Gồm 01 đối tượng nợ
3	Nhóm nợ đã chuyển Công ty đòi nợ	485	Gồm 06 đối tượng nợ
4	Nhóm nợ chưa khởi kiện hoặc chưa chuyển Công ty đòi nợ	5.480	Gồm 13 đối tượng nợ
	<b>Tổng cộng</b>	<b>27.754</b>	<b>Gồm 26 đối tượng nợ</b>

**Ghi chú:** Công nợ phải thu Công ty BTLT VINAINCON là 4.145 triệu đồng

#### c/ Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn:

Do KQKD năm 2019 của Công ty CP BTLT VINAINCON (Công ty liên kết) tiếp tục phát sinh lỗ (-2,9 tỷ đồng), nên Công ty đã trích lập bổ sung dự phòng đầu tư tài chính dài hạn tương ứng số tiền là 591 triệu đồng. Số dư trích lập lũy kế đến 31/12/2019 tại Công ty CPBTLT hải Dương là 3,9 tỷ đồng, như vậy Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn đầy đủ theo quy định.

#### d/ Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng tồn kho.

- Số trích lập đến 31/12/2018: 7,2 tỷ đồng
- Tổng số trích lập trong năm 2019: 11,2 tỷ đồng.
- Tổng số hoàn nhập trong năm 2019: 7,2 tỷ đồng.
- Số dư trích lập dự phòng đến 31/12/2019: 11,2 tỷ đồng.

Tổng số trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm trong năm là 11,2 tỷ đồng (gồm hơn 300 hợp đồng mua bán) với mức trích bằng 5% giá trị thực hiện hợp đồng. Qua kiểm tra một số các hợp đồng, Ban kiểm soát thấy các hợp đồng bán hàng cho Công ty Phan Vũ (07 hợp đồng), trên hợp đồng không có điều khoản quy định về việc bảo hành sản phẩm, Công ty đã trích lập bảo hành sản phẩm cho các hợp đồng này với số tiền là 1,1 tỷ đồng.

*(Bảng kê chi tiết các khoản trích lập dự phòng kèm theo)*

#### **4. Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn.**

- Vốn đầu tư tại các Công ty con, công ty liên kết đến 31/12/2019 của Công ty là 48,8 tỷ đồng, cụ thể:

+ Vốn đầu tư tại TDC1 (Công ty con, sở hữu 51%) là 40,8/80 tỷ đồng, cổ tức được chia từ kết quả SXKD năm 2018 theo NQ ĐHCĐ TDC1 là 15%, tương ứng số tiền 6,120 tỷ đồng, tiền cổ tức này đã được ghi nhận vào kết quả kinh doanh năm 2019 và đã được TDC1 thanh toán hết).

+ Vốn đầu tư tại Công ty CP BTLT VINAINCON (Công ty liên kết, sở hữu 20%) là 8 tỷ/40 tỷ đồng, năm 2018 Công ty BTLT VINAINCON bị lỗ, không chia cổ tức, Công ty đã trích lập dự phòng 591 triệu đồng.

#### **5. Quản lý, sử dụng tài sản cố định (hữu hình):**

- Về đầu tư, mua sắm tài sản: Năm 2019, Công ty ghi nhận tăng nguyên giá TSCĐ (gồm 46 danh mục) từ đầu tư, mua sắm và XD CB là 12,6 tỷ đồng, cụ thể:

+ Tăng từ mua sắm là 4,5 tỷ đồng.

+ Tăng từ đầu tư XD CB là 8,1 tỷ.

+ Khấu hao trong năm 2019 là 10,9 tỷ đồng, trong đó khấu hao tại Nhà máy Bến Cát là 9,2 tỷ đồng.

+ Đến 31/12/2019, tổng nguyên giá TSCĐ tại Nhà máy Bến Cát là 126,5 tỷ đồng (gồm 192 danh mục tài sản), khấu hao lũy kế 13 tỷ đồng, giá trị còn lại là 113,5 tỷ đồng.

- Về thanh lý, nhượng bán tài sản: Trong năm năm 2019, Công ty thanh lý một số tài sản sau:

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Danh mục TS	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị thu hồi (trước thuế)
1	Xe oto TOYOTA Camry 2.4G	923	0	469
2	Lò hơi 1.500kg/h	258	4	132
3	Máy tiện T630	75	0	
4	Trạm trộn BT 25m3/h	764	0	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.020</b>	<b>4</b>	<b>601</b>



- Trình tự đầu tư, mua sắm và thanh lý tài sản được thực hiện theo đúng thẩm quyền quy định tại Điều lệ công ty.

#### **6. Về nợ vay ngân hàng:**

- Dư vay ngắn hạn ngân hàng đến 31/12/2019 là 8,3 tỷ đồng (khoản nợ dài hạn đến hạn trả)

- Dư vay dài hạn ngân hàng đến 31/12/2019 là 41,2 tỷ đồng, các khoản vay dài hạn để thanh toán các chi phí đầu tư Nhà máy Bến Cát (thời gian vay 8 năm).

- Chi phí lãi vay trong năm 2019 là 5,3 tỷ đồng, trong đó lãi vay từ đầu tư NM Bến Cát là 4,5 tỷ đồng, lãi vay cho hoạt động SXKD là 2,4 tỷ đồng.

#### **7. Công tác tiền lương:**

Công ty trích lương vào giá thành năm 2019 là 65.007 triệu đồng, trong đó lương sản xuất là 58.420 và lương dịch vụ (quỹ lương gia công sửa chữa mặt bích, cọc,...) là 6.587 triệu đồng, lương sản xuất chiếm tỷ lệ 18,4% doanh thu.

Thu nhập bình quân người lao động trong năm 14,5 triệu đồng/người/tháng, bằng 114% so với năm 2018.

#### **8. Tình hình thực hiện các quy chế quản trị nội bộ.**

Công ty thực hiện theo các qui định về quản trị nội bộ đã ban hành. Tuy nhiên, Công ty chưa ban hành Quy chế quản lý người đại diện phần vốn của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác.

#### **9. Tình hình thanh tra, kiểm toán của Công ty**

Tháng 7/2019, Kiểm toán nhà nước thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 và các hoạt động liên quan đến quản lý vốn và tài sản Công ty. Sau khi có kết luận kiểm toán (tăng lợi nhuận 254 triệu đồng), Công ty đã thực hiện điều chỉnh số liệu, sổ sách kế toán theo kiến nghị của KTNN vào BCTC năm 2018.

#### **IV. Hoạt động của Hội đồng quản trị và Giám đốc công ty:**

##### **1. Về hoạt động của HĐQT và Ban điều hành:**

- Trong năm 2019, HĐQT đã tổ chức họp 06 cuộc họp để thảo luận và thông qua các nội dung liên quan đến hoạt động SXKD và đầu tư của Công ty, các cuộc họp HĐQT đều có sự tham dự đầy đủ của các thành viên. Các nghị quyết/quyết định của HĐQT ban hành phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

##### **2. Về hoạt động của Ban kiểm soát:**

- Các thành viên Ban kiểm soát hoạt động độc lập, trung thực trong phạm vi công việc được phân công, tham gia đầy đủ các cuộc họp của Ban kiểm soát hàng kỳ.

- Ban kiểm soát được mời tham gia các cuộc họp của HĐQT để thảo luận các nội dung liên quan đến hoạt động SXKD và đầu tư của Công ty.

- Định kỳ 6 tháng và hàng năm, thực hiện kiểm tra tình hình hoạt động SXKD của Công ty.

#### **V. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ.**

##### **1/Nhân xét:**



- Hoạt động điều hành HĐQT và Ban điều hành Công ty trong năm có hiệu quả.
- Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục được duy trì ổn định, các rủi ro tài chính đã được trích lập dự phòng, đảm bảo cho sự ổn định cho các năm sau.

## **2/Kiến nghị:**

- Đề nghị HĐQT chỉ đạo Ban điều hành có giải pháp cụ thể và quyết liệt hơn nữa trong công tác thu hồi công nợ tồn đọng:

+ Đối với nhóm khách nợ đã khởi kiện và có quyết định thắng kiện của Tòa án/thị hành án: Phối hợp với cơ quan Tòa án/Thị hành án để xác minh tài sản (hợp pháp) của khách nợ để có biện pháp thu hồi;

+ Đối với nhóm khách nợ chưa khởi kiện: Xác minh địa chỉ và tình trạng hoạt động của nhóm khách nợ này (do nhiều khách nợ không còn hoạt động theo địa chỉ đã đăng ký), hoàn thiện hồ sơ pháp lý để khởi kiện nhóm khách nợ này.

- Đề nghị Ban điều hành Công ty thực hiện việc trích lập bảo hành sản phẩm theo đúng quy định hiện hành.

- Đề nghị Ban điều hành chỉ đạo Phòng Tài chính kế toán hạch toán kết quả kinh doanh theo từng loại sản phẩm.

- Đề nghị Ban điều hành Công ty xây dựng các quy chế quản lý người đại diện phần vốn của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác để trình HĐQT thông qua.

- Đề nghị HĐQT yêu cầu Người đại diện vốn tại Công ty cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức 1 và Công ty cổ phần Bê tông VINAINCON có báo cáo của Người đại diện vốn tại các Công ty này.

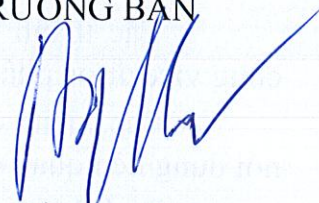
- Đề nghị HĐQT Công ty giao các chỉ tiêu kế hoạch tách riêng Công ty mẹ với Công ty con, Công ty liên kết.

- Đề nghị Công ty sớm thực hiện các gói thầu để tổng hợp hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

Trên đây là các nội dung Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông. Thay mặt Ban Kiểm soát, tôi xin chân thành cảm ơn HĐQT, Ban giám đốc và các cổ đông Công ty đã tin tưởng và tạo điều kiện cho Ban kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Xin trân trọng cảm ơn!

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Đặng Quang Cường**